

**CÔNG TY CỔ PHẦN TOP WEB VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TOP WEB VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TOP WEB VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TOP WEB VIET NAM.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107555004

**3. Ngày thành lập:** 06/09/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 69 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4741        |
| 2.  | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5820        |
| 3.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br><br>- Đại lý dịch vụ viễn thông<br>- Dịch vụ viễn thông cơ bản<br>- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6190        |
| 4.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6201        |
| 5.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6202(Chính) |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br><br>- Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin.<br>- Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật.<br>- Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử.<br>- Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin.<br>- Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu.<br>- Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin.<br>- Đào tạo công nghệ thông tin. | 6209        |
| 7.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6311        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Cổng thông tin<br>(trừ thông tin nhà nước cấm, không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6312 |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4610 |
| 10. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4641 |
| 11. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4651 |
| 12. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4652 |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659 |
| 14. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử (trừ dịch vụ nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                         | 4791 |
| 15. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8230 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                         | 8299 |
| 17. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 9511 |
| 18. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6619 |
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7020 |
| 20. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7310 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN NAM   | Xóm 5, thôn Nam Hiệp Trung, Xã Đông Hòa, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    | 034086001933                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                        | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN TUYÊN | Thôn Nam Hiệp Trung, Xã Đông Hòa, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    | 151817092                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                        | Tổng số           | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN VĂN THÀNH | Xóm 3, thôn A Mễ, Xã Quỳnh Trang, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    | 152134389                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                        | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THÀNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *15/08/1996*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *152134389*

Ngày cấp: *11/07/2011*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 3, thôn A Mễ, Xã Quỳnh Trang, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 69 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội